

## Đội tuyển trẻ CVHN 2020 - Giải đấu tập số 1

Posledná aktualizácia 24.05.2020 16:40:16

## Žrebovanie / výsledky

## 1. kolo

| Š. | Č. | T | Meno                     | FED | Body | Výsledok | Body | T | Meno                    | FED | Č. |
|----|----|---|--------------------------|-----|------|----------|------|---|-------------------------|-----|----|
| 1  | 1  |   | Anh Phụ trách 1          | C10 | 0    | 1 - 0    | 0    |   | Hoàng Minh Hiếu         | C08 | 14 |
| 2  | 15 |   | Kiều Bích Thủy           | C08 | 0    | 0 - 1    | 0    |   | Anh Phụ trách 2         | C10 | 2  |
| 3  | 3  |   | Anh Phụ trách 3          | C10 | 0    | 0 - 1    | 0    |   | Nguyễn Huỳnh Minh Thiên | C08 | 31 |
| 4  | 51 |   | Trần Đăng Minh Quang     | C08 | 0    | 1 - 0    | 0    |   | Nguyễn Đức Dũng         | C06 | 64 |
| 5  | 18 |   | Lưu Quốc Việt            | C06 | 0    | 0 - 1    | 0    |   | Cần Chí Thành           | C04 | 7  |
| 6  | 9  |   | Đầu Khương Duy           | C04 | 0    | 1 - 0    | 0    |   | Trần Đăng Minh Đức      | C06 | 50 |
| 7  | 10 |   | Đinh Nho Kiệt            | C04 | 0    | 1 - 0    | 0    |   | Dương Vũ Anh            | C04 | 8  |
| 8  | 12 |   | Đỗ Hoàng Hải             | C04 | 0    | 0 - 1    | 0    |   | Nguyễn Vương Tùng Lâm   | C04 | 44 |
| 9  | 45 |   | Phạm Đăng Minh           | C04 | 0    | 0 - 1    | 0    |   | Phạm Trường Phú         | C04 | 47 |
| 10 | 35 |   | Nguyễn Nghĩa Gia An      | C04 | 0    | 0 - 1    | 0    |   | Vũ Mỹ Linh              | C04 | 57 |
| 11 | 13 |   | Đỗ Quang Minh            | C02 | 0    | 0 - 1    | 0    |   | Ngô Ngọc Châu           | C02 | 20 |
| 12 | 22 |   | Nguyễn Bình Vy           | C02 | 0    | ½ - ½    | 0    |   | Nguyễn Hoàng Bách       | C02 | 25 |
| 13 | 27 |   | Nguyễn Hoàng Khánh       | C02 | 0    | ½ - ½    | 0    |   | Nguyễn Khánh Lâm        | C02 | 33 |
| 14 | 34 |   | Nguyễn Minh Trà          | C02 | 0    | 0 - 1    | 0    |   | Phạm Huy Đức            | C02 | 46 |
| 15 | 36 |   | Nguyễn Ngọc Diệp         | C02 | 0    | 0 - 1    | 0    |   | Nguyễn Trần Hải An      | C02 | 43 |
| 16 | 49 |   | Thân Văn Khang           | C02 | 0    | 0 - 1    | 0    |   | Vương Sơn Hải           | C02 | 55 |
| 17 | 11 |   | Đinh Phúc Lâm            | C00 | 0    | 0 - 1    | 0    |   | Khoa Hoàng Anh          | C00 | 16 |
| 18 | 17 |   | Lê Anh Tú                | C00 | 0    | 1 - 0    | 0    |   | Ngô Xuân Phú            | C00 | 21 |
| 19 | 65 |   | Nguyễn Thái An B         | C00 | 0    | 0 - 1    | 0    |   | Nguyễn Tạ Minh Hà       | C00 | 38 |
| 20 | 39 |   | Nguyễn Tạ Minh Huy       | C00 | 0    | 1 - 0    | 0    |   | Nguyễn Thái An A        | C00 | 40 |
| 21 | 42 |   | Nguyễn Trần Đức Anh      | C00 | 0    | 1 - 0    | 0    |   | Trần Ngô Mai Linh       | C00 | 52 |
| 22 | 53 |   | Trần Thái Anh            | C00 | 0    | 1 - 0    | 0    |   | Vũ Nguyễn Bảo Linh      | C00 | 54 |
| 23 | 63 |   | Triệu Gia Huy            | C00 | 0    | 1 - 0    | 0    |   | Nguyễn Hoàng Minh       | C00 | 29 |
| 24 | 61 |   | Nguyễn Trường An Khang   | C00 | 0    | 0 - 1    | 0    |   | Trần Việt Tùng          | C00 | 56 |
| 25 | 59 |   | Đào Minh Khánh           | C04 | 0    | 0 - 1    | 0    |   | Tổng Hải Anh            | C04 | 48 |
| 26 | 6  |   | Bùi Quang Minh           | C02 | 0    | 0 - 1    | 0    |   | Nguyễn Kim Khánh Hưng   | C00 | 62 |
| 27 | 4  |   | Anh Phụ trách 5          | C10 | 0    | 0        |      |   | nežrebovaný             |     |    |
| 28 | 5  |   | Anh Phụ trách 4          | C10 | 0    | 0        |      |   | nežrebovaný             |     |    |
| 29 | 19 |   | Ngô Đức Trí              | C08 | 0    | 0        |      |   | nežrebovaný             |     |    |
| 30 | 23 |   | Nguyễn Đức Thịnh         | C00 | 0    | 0        |      |   | nežrebovaný             |     |    |
| 31 | 24 |   | Nguyễn Hiếu Yến          | C00 | 0    | 0        |      |   | nežrebovaný             |     |    |
| 32 | 26 |   | Nguyễn Hoàng Hiệp        | C06 | 0    | 0        |      |   | nežrebovaný             |     |    |
| 33 | 28 |   | Nguyễn Hoàng Khôi        | C00 | 0    | 0        |      |   | nežrebovaný             |     |    |
| 34 | 30 |   | Nguyễn Hồng Nhung        | C06 | 0    | 0        |      |   | nežrebovaný             |     |    |
| 35 | 32 |   | Nguyễn Huỳnh Thiên Thanh | C00 | 0    | 0        |      |   | nežrebovaný             |     |    |
| 36 | 37 |   | Nguyễn Phi Hồng          | C00 | 0    | 0        |      |   | nežrebovaný             |     |    |
| 37 | 41 |   | Nguyễn Thị Minh Thư      | C08 | 0    | 0        |      |   | nežrebovaný             |     |    |
| 38 | 58 |   | Nguyễn Nghĩa Gia Bình    | C02 | 0    | 0        |      |   | nežrebovaný             |     |    |
| 39 | 60 |   | Đỗ Quốc Anh              | C02 | 0    | 0        |      |   | nežrebovaný             |     |    |
| 40 | 66 |   | Ngô Đức Anh              | C00 | 0    | 0        |      |   | nežrebovaný             |     |    |
| 41 | 67 |   | Nguyễn Mạnh Đức          | C04 | 0    | 0        |      |   | nežrebovaný             |     |    |
| 42 | 68 |   | Anh phụ trách 6          | C10 | 0    | 0        |      |   | nežrebovaný             |     |    |

Hľadaj všetky podrobnosti turnaja pod <http://chess-results.com/tnr527478.aspx?lan=4>

Chess-Tournament-Results-Servers: Chess-Results